

# CHÍNH SÁCH QUÂN ĐIỀN NĂM 1839 Ở BÌNH ĐỊNH NHÌN NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ LẠI TRÊN CƠ SỞ TƯ LIỆU ĐỊA BẠ\*

Phan Phương Thảo (\*\*)

## 1. Tình hình phân bố ruộng đất chung cả nước đầu thế kỷ XIX và những đặc điểm riêng về ruộng đất của Bình Định dẫn tới chủ trương quân điền năm 1839 ở Bình Định

Nửa đầu thế kỷ XIX, chế độ ruộng đất ở Việt Nam vẫn đang trong quá trình phát triển, biến đổi. Sở hữu công và sở hữu tư vận động theo xu hướng bài trừ lẫn nhau mà phần ưu thắng đã thuộc về sở hữu tư. Theo Nguyễn Công Tiệp, đầu thế kỷ XIX, tổng diện tích ruộng đất công và tư cả nước (chỉ tính thực trưng) là 3.949.225 mẫu, trong đó ruộng đất công (gồm công điền, quan điền, ruộng muối và công thổ) chỉ còn 760.872 mẫu, chiếm tỷ lệ 19,26% tổng diện tích ruộng đất công và tư. Riêng ruộng công (gồm công điền, quan điền và ruộng muối) có 580.363 mẫu, chiếm tỷ lệ 17,08%. Trong khi đó, sở hữu tư nhân về ruộng đất chiếm 80,74% tổng diện tích ruộng đất cả nước (bao gồm 3188 382 mẫu, trong đó 2.816.221 mẫu ruộng và 372.161 mẫu đất [2]).

Trước tình hình phức tạp của chế độ ruộng đất trong cả nước đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn đã ban hành hàng loạt chính sách về ruộng đất. Tham vọng của nhà Nguyễn là cố gắng kiểm soát được

ruộng đất trong cả nước, một mặt đảm bảo nguồn thu nhập của nhà nước, mặt khác nắm chắc cơ sở xã hội là làng xã, khẳng định vai trò và quyền lực của chính quyền trung ương đối với các quan hệ sở hữu ruộng đất, củng cố chế độ quân chủ chuyên chế.

Việc duy trì, bảo vệ và mở rộng ruộng đất công, mà chủ yếu là ruộng đất công làng xã, được nhà Nguyễn thực hiện một cách ráo riết với những biện pháp kiên quyết. Mục đích cơ bản, xuyên suốt các chính sách ruộng đất của nhà Nguyễn tuy không thay đổi nhưng ở từng giai đoạn, từng triều vua, biện pháp và mức độ thực hiện cụ thể có khác nhau phụ thuộc vào điều kiện khách quan của tình hình kinh tế - xã hội và nhất là thái độ chủ quan của vị vua đương nhiệm.

Trong bối cảnh chung cả nước, ruộng đất tư ngày càng phát triển, ruộng đất công ngày càng thu hẹp, thì ở Bình Định tình trạng này còn bức xúc hơn " Một hạt Bình Định ruộng công chỉ có trên 5 nghìn mẫu mà ruộng tư nhiều đến trên 7 vạn 1 nghìn mẫu, các ruộng tư thường bị bọn phú hào chiếm cả, người nghèo không nhờ cậy gì" [5; tr.258].

Sự chênh lệch quá lớn giữa tỷ lệ công và tư điền ở Bình Định được thể hiện rất rõ qua số liệu thống kê trong địa bạ năm

\* Trong bài viết này, nguồn tư liệu chính được sử dụng là địa bạ Bình Định lập vào hai thời điểm 1815 và 1839. Chúng tôi tiếp cận nguồn tư liệu này theo hướng đi sâu phân tích triệt để các thông tin của 24 cặp địa bạ Bình Định được lựa chọn theo nguyên tắc thống kê chọn mẫu và có đối chiếu, so sánh với kết quả nghiên cứu tổng quan về địa bạ Bình Định của ông Nguyễn Đình Đầu công bố trong ba tập Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: *Bình Định*, tập I, II, III, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 1996.

(\*\*) TS., Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

Chỉ dụ của Minh Mệnh và chính sử nhà Nguyễn không ghi chép cách thức sung công tư điền. Tuy nhiên, kết hợp nguồn tư liệu trong địa bạ Minh Mệnh về các thửa ruộng tư sau khi được sung công về diện tích, giáp giới bốn phía, so sánh với giáp giới của các đám ruộng này trong địa bạ Gia Long, và đặc biệt là kết hợp với nguồn tư liệu điền dã, cho thấy, việc thực hiện quân điền ở từng thôn/ấp của Bình Định rất đa dạng, phong phú, phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của từng thôn/ấp, mỗi nơi có cách làm khác nhau, miễn sao có thể đáp ứng được chủ trương chung của Minh Mệnh đề ra là sung công một nửa tư điền. Ở đây, chúng tôi xin nêu ra một vài cách chia ruộng đã được áp dụng ở các thôn/ấp trong số 24 thôn/ấp lựa chọn nghiên cứu:

Đối với thôn vốn có quan điền, nay gộp cùng với tư điền sung làm công điền, thí dụ Kiên Mỹ (huyện Tây Sơn): trên cơ sở phần ruộng quan điền vốn có sẵn, mở rộng ra xung quanh, kết hợp với những thửa ruộng tư giáp giới, tạo thành phần công điền của thôn sao cho đủ diện tích theo định mức đã đề ra.

Đối với một số thôn khác, thí dụ Kim Trì (huyện Tuy Phước): toàn bộ ruộng của thôn là tư điền, nên khi quân điền, lấy mương nước ở giữa thôn là con đường đi qua Gò Chòi (nơi dùng để phơi lúa mới gặt ở giữa cánh đồng) làm vạch ranh giới, cắt đôi toàn bộ ruộng của thôn, phía bên trái đường mương là phần công điền, còn bên phải đường mương là tư điền. Đường mương được dùng làm đường phân cách hai khu công điền và tư điền của Kim Trì. Hiện nay đường

mương này vẫn còn trên bản đồ và chúng tôi cũng đến tận nơi để khảo sát.

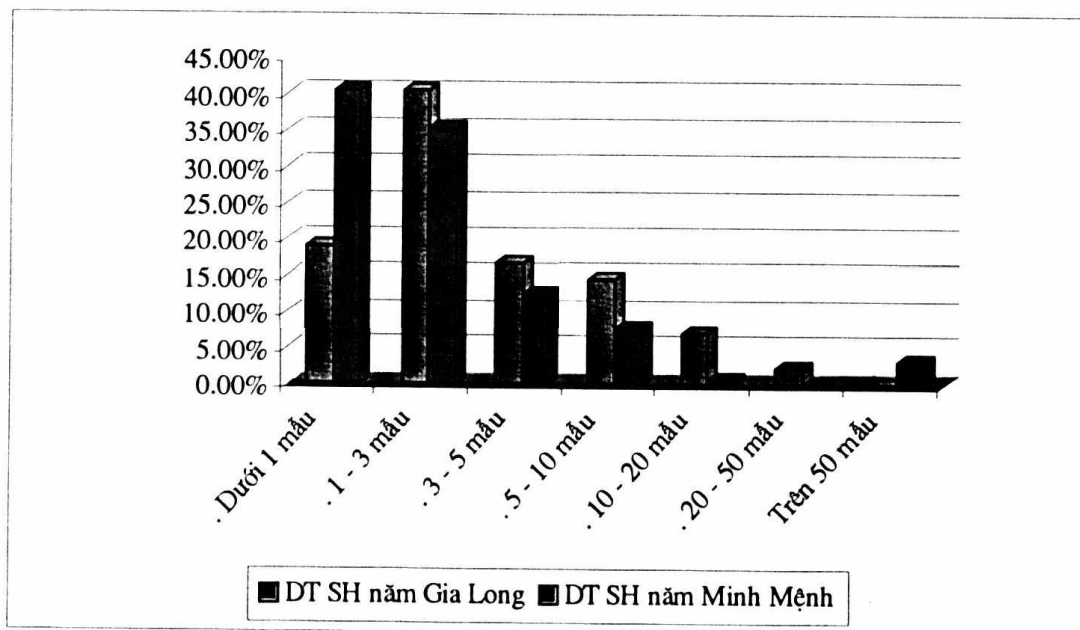
Lại cũng có nơi, như thôn Châu Thành (huyện An Nhơn): tất cả các chủ ruộng tư trong thôn đều phải chiết cấp một nửa số ruộng của mình sung làm ruộng công. Tuy vậy, khi sung công chiết cấp, họ cắt nộp những đám ruộng xa nơi ở, giữ lại ruộng gần. Như vậy, ở Châu Thành vị trí gần, xa của các thửa ruộng so với nơi ở của chủ ruộng là cơ sở để lựa chọn thửa ruộng nào nên giữ lại, thửa nào sung làm công điền.

Cách chiết cấp tư điền sung công của thôn An Ngãi (huyện An Nhơn) lại thực hiện theo cách mà dân gian còn lưu truyền là “nhất bán vi công, nhất bán vi tư”, tất cả các thửa ruộng, có tính tới đẳng hạng, đều bị cắt đôi để sung công một nửa. Như vậy, sau quân điền, ruộng công và tư trong thôn nằm xen kẽ nhau, rất tản mạn, manh mún. Sau đó, để thuận tiện cho việc canh tác và di lại, các chủ sở hữu ruộng tư đã “xáo canh” tức là những người trong thôn có thể trao đổi với nhau quyền sở hữu các đám ruộng tương đương về diện tích và đẳng hạng để có những thửa ruộng lớn hơn.

### **3. Đánh giá chính sách quân điền năm 1839 của Minh Mệnh**

Trước tiên, thông qua kết quả đối chiếu, so sánh địa bạ 24 ấp/thôn vào hai thời điểm 1815 và 1839 có thể thấy rõ hơn những biến đổi ruộng đất ở Bình Định, đặc biệt là những khác biệt cơ bản giữa phân bố ruộng công và tư trước và sau quân điền năm 1839.

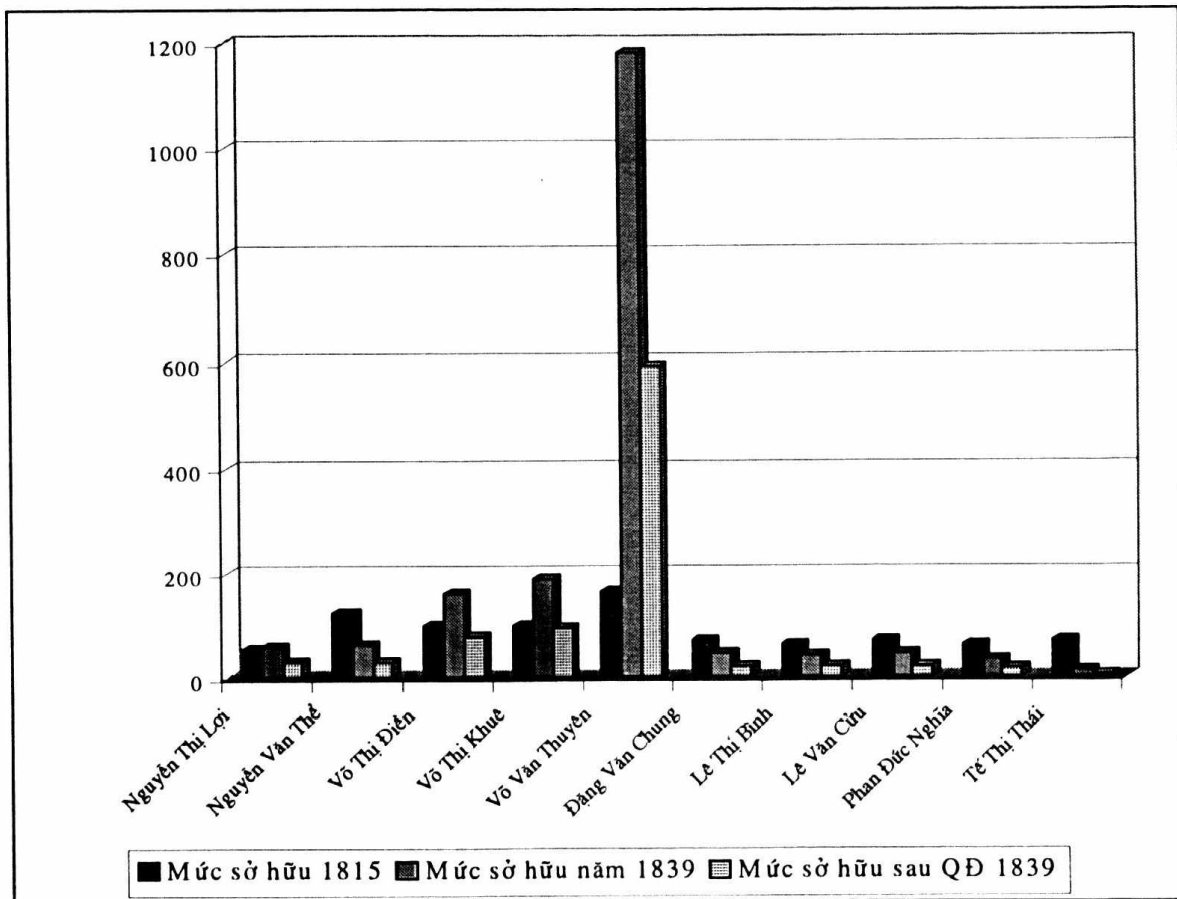
Biểu đồ 1: So sánh diện tích sở hữu giữa hai thời điểm



Theo nguyên tắc nhà nước sung công một nửa tư điền đối với tất cả các chủ sở hữu nên có thể căn cứ vào sở hữu tư điền sau quân điền để tính ra sở hữu tư điền trước quân điền. Đặc biệt, qua đối chiếu danh sách của 210 chủ sở hữu trùng tên trong 24 địa bạ năm 1815 và 1839 cho thấy, qui mô sở hữu của từng chủ tư điền sau 24 năm có thay đổi. Đó là hiện tượng phổ biến, nằm trong diễn biến tự nhiên của chế độ ruộng đất, song *những thay đổi đó nói chung không lớn, từ 1815 đến 1839, trước quân điền, chỉ là tăng/giảm một vài mẫu ruộng, do đó qui mô sở hữu của đại bộ phận chủ ruộng tư vẫn thuộc loại nhỏ. Từ chỗ 87,62% tổng số chủ tư điền có sở hữu dưới 3 mẫu ruộng năm 1815, đến năm 1839, trước quân điền, tỷ lệ này tăng thành 88,10%. Bên cạnh đó, từ chỗ có 4,76% chủ ruộng tư có sở hữu trên 5 mẫu ruộng năm 1815, đến năm*

*1839, trước quân điền, tỷ lệ này thay đổi thành 4,29%, trong đó đặc biệt có một chủ sở hữu có trên 100 mẫu ruộng, chiếm 0,48% tổng số chủ [4; tr.120-121].* Kết quả thống kê trên chỉ là của 24 địa bạ ≈ 5% tổng số địa bạ, nên không loại trừ khả năng đâu đó trong những địa bạ khác ở Bình Định vẫn có những sở hữu lớn, có thể tới hơn trăm mẫu ruộng. Tuy vậy, 24 địa bạ nghiên cứu được lựa chọn theo nguyên tắc thống kê chọn mẫu nên kết quả thống kê của 24 địa bạ này vẫn thể hiện khuynh hướng phát triển chung về tư hữu ruộng đất của cả Bình Định trong toàn bộ địa bạ Bình Định. Hiện tượng tích tụ ruộng vẫn có song diễn biến chậm và nhỏ, hầu như không đáng kể. Đặc điểm chung của đại đa số chủ tư điền vẫn là sở hữu nhỏ, manh mún vào năm 1815 và cả năm 1839 trước khi nhà Nguyễn thực hiện phép quân điền.

· Biểu đồ 2: 10 chủ trùng tên có mức sở hữu ruộng tư &gt; 5 mẫu



Phép quân điền năm 1839 thực hiện rất nhanh chóng trong vòng 3 tháng cuối năm 1839. Nhưng đó mới là sung một nửa tư điền làm công điền và lập địa bạ mới. Các chủ sở hữu vẫn được sử dụng ruộng đất và sau thu hoạch vụ năm sau (1840) mới đem nhập với số ruộng đất công vốn có phân cấp cho quan, binh, dân theo chế độ quân điền năm 1840 được thi hành trên cả nước. Căn cứ vào chế độ quân điền này và trên cơ sở những số liệu về dân đinh của Bình Định, luận án ước tính mỗi dân đinh được chia 5 sào 2 thước ruộng; lão niên, phế tật được 2 sào 8 thước 5 phân (1/2 khẩu phần); cô nhi, quả phụ được 1 sào 13 thước (1/3 khẩu phần). Trong khi đó mỗi binh lính được nhận 1 mẫu 3 sào 2 thước (8 sào lương điền + 5 sào 2 thước

khẩu phần) gấp hơn 2 lần khẩu phần của một dân đinh. Như vậy, với thực trạng tình hình ruộng đất ở Bình Định và với cách chia ruộng công theo phép quân điền năm 1840 thì binh lính là có lợi nhất. Ngoài ra, đối với một số nông dân không có ruộng tư nay được chia hơn 5 sào ruộng công cũng là một khoản lợi đáng kể. Tuy nhiên, đại bộ phận nông dân có mức sở hữu nhỏ, trên dưới 1 mẫu ruộng tư trước quân điền, nay theo phép quân điền phải sung công điền một nửa số ruộng của mình (tức là khoảng trên dưới 5 sào ruộng), rồi lại được chia hơn 5 sào ruộng công. Vậy, diện tích ruộng mà những người nông dân này cày cấy vẫn khoảng 1 mẫu ruộng, nhưng trên thực tế, họ chỉ được sở hữu một nửa số ruộng đó, phần còn lại là ruộng công của làng

xã. Và dĩ nhiên do ruộng công làng xã nên dân đinh sẽ phải đóng thuế đinh và làm nhiều nghĩa vụ khác đối với nhà nước.

Ở Bình Định, một số thôn đã đưa ra cách chia ruộng công bằng hình thức bốc thăm là một cách chia tỏ ra khá công bằng, thế nhưng vẫn có hơn 300 lá đơn của dân khiếu kiện về việc chia ruộng đất ít nhiều, tốt xấu không đều nhau, kéo dài tới hơn một năm sau. Tới năm Tự Đức thứ 5 (1852), những vụ lộn xộn lại bùng phát ở Bình Định đã khiến vua Tự Đức tỏ ra bi quan về kết quả của quân điền năm 1839 tại Bình Định và muốn trả lại hết ruộng tư đã tịch thu cho chủ cũ.

Xét về kết quả, quân điền năm 1839 của Minh Mệnh đã góp phần tăng cường và mở rộng ruộng đất công của làng xã, củng cố quyền sở hữu tối cao của nhà nước về ruộng đất. Nhưng xét về khía cạnh kinh tế, việc quân điền ở Bình Định không mang lại quyền lợi gì đáng kể cho nhà nước bởi vì ở vùng này thuế ruộng công và tư như nhau, chỉ có thuế đinh tăng thêm ít nhiều. Hơn nữa, nguồn lợi này không phải là mong muốn của Minh Mệnh khi thực hiện quân điền ở Bình Định “phép quân điền là vốn muốn chia lợi cho dân chứ thuế hơn hay kém đi không phải là điều đáng so tính”, và trên thực tế “ích cho nước không được mấy”.

Qua những phân tích trên, có thể nhận thấy:

Chủ trương quân điền năm 1839 của Minh Mệnh ở Bình Định không nằm ngoài mục đích chung của nhà Nguyễn là muốn tăng cường và củng cố chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất. Nhà nước sử dụng biện pháp hành chính cắt một nửa

ruộng tư sung làm ruộng công đối với những thôn/ấp có tư điền nhiều hơn công điền.

Tuyệt đại bộ phận chủ tư điền ở Bình Định là sở hữu nhỏ, trong đó có không ít những người nông dân đã chiếm giữ được ruộng đất công trong thời kỳ phong trào Tây Sơn. Do đó, khi Minh Mệnh sung công một nửa tư điền ở những thôn/ấp có tư điền nhiều hơn công điền (gần như toàn tỉnh Bình Định, trừ 33 thôn/ấp) thì đối tượng bị sung công chủ yếu không phải là những sở hữu lớn của địa chủ, phú hào vì số này rất ít, mà phổ biến là những sở hữu nhỏ của nông dân.

Khi nghiên cứu chính sách quân điền năm 1839 của Minh Mệnh ở Bình Định, có một số nhà nghiên cứu, đầu tiên là nhà địa lý và sử học Nguyễn Thiệu Lâu, đã đánh giá chủ trương quân điền của Minh Mệnh năm 1839 là “cải cách ruộng đất” hay “cải cách điền địa”. Chúng tôi cho rằng, về mặt chủ trương, quân điền năm 1839 quả là có mặt “cải cách” bởi lẽ nhà nước đã tước đoạt một bộ phận ruộng tư chuyển sang hình thức sở hữu công. Trong lịch sử chế độ ruộng đất nước ta, đây là lần thứ hai nhà nước có những biện pháp quyết liệt khi can thiệp đến quyền tư hữu ruộng đất. Lần thứ nhất là cải cách của Hồ Quý Ly với việc hạn chế sự phát triển tư hữu ruộng đất, không cho các chủ ruộng tư có quá 10 mẫu ruộng. Với cải cách này, thực ra Hồ Quý Ly chỉ đụng chạm tới quyền lợi của những chủ ruộng có hơn 10 mẫu chứ không phải tất cả các chủ tư điền. Chính sách quân điền năm 1839 của Minh Mệnh quyết liệt hơn khi quyết định sung công một nửa ruộng tư đối với tất cả các thôn/ấp ở Bình Định có tư điền nhiều

hơn công điền, và trong từng thôn/ấp đó, các chủ tư điền đều phải sung công một nửa phần ruộng của mình, không phân biệt là người nhiều hay ít ruộng, là phụ nữ hay nam giới, là chính canh hay phụ canh. Như vậy, ở một góc độ nào đó, khi xét về chủ trương quân điền, phải thừa nhận có bao hàm một nội dung "cải cách".

Gần đây, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu có khai thác thêm nguồn sử liệu mới là toàn bộ địa bạ của Bình Định thời Nguyễn khi nghiên cứu về phép quân điền năm 1839. Tuy nhiên, tác giả mới khai thác phần số liệu chung của địa bạ chứ chưa khai thác hết các thông tin có trong địa bạ, nhất là phần sở hữu tư nhân. Quan điểm của Nguyễn Đình Đầu là hết lời ca ngợi, thậm chí, khi nhận xét về phép quân điền này ông đã dùng những từ như: "... là biến cố "cải cách ruộng đất" vô tiền khoáng hậu, chỉ xảy ra một lần, ở Bình Định, hồi 1839" [3; tr.71]. Hoặc ở một đoạn khác ông lại nhận định "quân điền ở Bình Định quả là sự nghiệp "trác dị" của Võ Xuân Cẩn, song cũng là công trình tập thể của vua quan - những người lãnh đạo đương thời - đã cố tạo lập một xã hội tương đối công bằng và nhân đạo" [3; tr.73].

Theo chúng tôi, nhận xét, đánh giá về quân điền năm 1839 ở Bình Định như vậy là quá cao, chưa thật xác đáng.

Bên cạnh đó, cũng bằng những nguồn thông tin trong các thư tịch cổ, mà chủ yếu là *Đại Nam thực lục, Quốc triều chính biên toát yếu, q.2*, GS. Trần Văn Giàu lại có những nhận xét khá đối lập với quan điểm của các nhà nghiên cứu trên. Ông đánh giá cao đề nghị hạn điền của Võ Xuân Cẩn, vì theo ông, như vậy

mới thực sự đánh vào những chủ sở hữu lớn, nhằm san sẻ bớt ruộng đất của những kẻ giàu cho dân nghèo. Cũng theo quan điểm của GS. Giàu, quân điền như vua Minh Mệnh đã thi hành thực ra "cố tình bảo vệ tài sản của địa chủ và bắt buộc cả những người nông dân dù có riêng ít đất cũng phải bỏ ra phần nửa. Nhà vua cố tình hạn chế sự cải cách trong một diện càng hẹp càng hay, để y nguyên những đại điền sản ở làng xã nào mà tư điền không nhiều hơn công điền. Rút cục sự cải cách đó tuy có thực hiện, nhưng trong căn bản chỉ là một trò bịp bợm so với đề nghị của Võ Xuân Cẩn" [7; tr.20-21]. Ở đây, cần lưu ý rằng, tác phẩm *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước 1858* được xuất bản từ năm 1958, khi nguồn tư liệu về địa bạ Bình Định chưa được khai thác. Do đó, căn cứ vào thư tịch cổ, tác giả đánh giá "sự cải cách của triều đình là một lối đối phó với nông dân tại nơi khởi nguyên của một cuộc nông dân khởi nghĩa lớn nhất nhì trong lịch sử Việt Nam", và "... cải cách điền địa ấy cũng là một cách giải quyết tài chính về hai mặt: tăng thu cho nhà nước và nuôi những quân lính trong tỉnh Bình Định" [7; tr.20]. Nói chung, tác giả phê phán chính sách quân điền của Minh Mệnh ở Bình Định.

Khi đánh giá về một chủ trương, chính sách cần đặt nó trong bối cảnh kinh tế, xã hội đương thời. Rõ ràng, với thực trạng tình hình ruộng đất Bình Định cũng như trong bối cảnh chung cả nước ta nửa đầu thế kỷ XIX, khi sở hữu tư đang ngày càng phát triển và chiếm ưu thế tuyệt đối thì việc cắt ruộng tư

sung làm ruộng công là ngăn cản sự phát triển của tư hữu ruộng đất, đi ngược lại xu thế phát triển của lịch sử. Hơn nữa, chủ trương quân điền của Minh Mệnh không có tác dụng hạn chế sở hữu ruộng đất lớn của địa chủ vì số này không có bao nhiêu, mà chủ yếu đánh vào sở hữu tư điền nhỏ của tầng lớp nông dân, đến cả những người chỉ có mấy sào ruộng, với những ruộng đất, theo hướng giải thích của chúng tôi là họ đã giành được trong thời kỳ khởi nghĩa Tây Sơn.

Qua ghi chép của *Đại Nam thực lục*, có một hiện tượng đáng lưu ý là thái độ của vua Minh Mệnh đối với việc quân điền ở Bình Định. Nói chung, nhà vua tỏ ra rất dè dặt, ngần ngại về việc sung một nửa tư điền làm công điền theo lời tâu của tổng đốc Bình - Phú Vũ Xuân Cẩn. Năm 1838, Minh Mệnh đã tỏ ý lo lắng "ruộng đất riêng là sản nghiệp đời đời, năm tháng đã lâu, sổ sách đã thành, nay vô cơ cất lấy của riêng, vốn liếng làm ăn khó nhọc của người, chắc không phải lòng người được yên, mà một phen làm ra thay đổi, sợ chưa thấy lợi, mà đã nhiều không thể nói xiết." [5; tr.259] (chúng tôi nhấn mạnh). Dù cho Minh Mệnh có biết ruộng đất tư ở Bình Định phần lớn do dân chiếm ruộng công trong thời kỳ khởi nghĩa Tây Sơn, nhưng "năm tháng đã lâu, sổ sách đã thành" tức là đã tư hữu hóa hoàn toàn thì việc nhà nước sung công không tránh khỏi sự phản ứng của nhiều người.

Đầu năm sau (1839), khi Vũ Xuân Cẩn nhắc lại việc quân điền ở Bình Định, Minh Mệnh vẫn rất ngần ngại "nay vô cơ cất ruộng của dân giàu, không bằng lòng thì kêu ca, đâu được yên lặng không lời

kia khác... Triều đình làm việc như có lợi nước, hại dân, thiệt người dưới, ích người trên, thì người ta oán, thực rất đáng sợ" [6; tr.58-59]. Mãi đến tháng 7 năm Minh Mệnh 20 (1839), sau khi bộ Hộ dâng số và được sáu bộ họp bàn, nhất trí, vua Minh Mệnh mới chuẩn y thực hiện phép quân điền ở Bình Định. Điều làm Minh Mệnh kinh ngạc khi nhận được số của Vũ Xuân Cẩn tâu rằng "cho đòi tổng lý và các phú hộ đến hiểu dụ về đại ý việc quân điền, chúng đều vui vẻ thỏa thuận" [6; tr.149] (chúng tôi nhấn mạnh), nhà vua đã nói lên sự kinh ngạc của mình "Lẽ thường xưa nay, những binh dân không có ruộng, một khi bỗng có ruộng thì vui mừng là cố nhiên. Còn như những kẻ bị cất ruộng của mình đem cho người khác, mà cũng vui mừng thỏa thuận, thì hình như chưa phải xuất phát ở lòng chân thành" [6; tr.149] (chúng tôi nhấn mạnh). Phải thừa nhận nỗi lo lắng và sự phán đoán của vua Minh Mệnh là sâu sắc và có cơ sở. Ba tháng sau, việc quân điền được hoàn thành, "vua rất khen ngợi, vui lòng"[6; tr.259]. Nhưng ngay sau đó, ty tam pháp tâu rằng dân Bình Định đã gửi đơn khiếu kiện đến kinh và vua Minh Mệnh nhận xét "trước đây bọn Vũ Xuân Cẩn nói dân gian hết thấy đều vui vẻ, thỏa mãn, thực cũng chưa được đúng" [6; tr.261]. Việc khiếu kiện càng ngày càng lan rộng và kéo dài qua đời Thiệu Trị, đến đời Tự Đức càng chứng thực điều đó.

Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là tại sao lúc Vũ Xuân Cẩn tuyên bố thực thi phép quân điền thì "dân chúng đều vui vẻ thỏa thuận", kể cả những người bị sung công một nửa tư điền? Theo chúng tôi,